

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **05** /2016/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày **28** tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

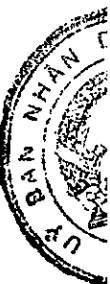
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 59/TTr-STP ngày 24 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,



phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục QLXLVPHC&TDTHPL, BTP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, BTP;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh Thái Bình;
- Công báo Thái Bình;
- Báo Thái Bình;
- Lưu: VT, NC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên



QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật
xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Bình**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2016/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Thái Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi tắt là các Sở, ngành);

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

3. Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh;

4. Cơ quan thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; cơ quan thi hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

5. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp.

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan liên quan.

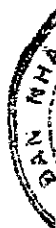
2. Đảm bảo sự chủ động của cơ quan chủ trì; sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ của các cơ quan để công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính được kịp thời, thông suốt, hiệu quả.

3. Đảm bảo sự tập trung, thống nhất, không chồng chéo trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức phối hợp.

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính khi có yêu cầu.

2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành; tổ chức hội nghị chuyên đề, sơ kết, tổng kết.



3. Kiểm tra, thanh tra liên ngành.
4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp trong việc tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Bố trí cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý và các văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Rà soát, theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý; kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn kiến nghị đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

d) Xem xét, giải quyết và trả lời yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, người có thẩm quyền giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 19 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

2. Sở Tư pháp.

a) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước về những vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kiến nghị hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc Bộ Tư pháp đề nghị cứu, xử lý. Đối với kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức khác thì phối hợp, trao đổi thông tin, thống nhất với cơ quan quản lý lĩnh vực có nội dung kiến nghị, phản ánh trước khi kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn để đánh giá và kiến nghị hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với nội dung được phân cấp.

Điều 6. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh và cấp huyện tổ chức phổ biến pháp luật xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể;

c) Chủ trì tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính.

d) Hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Điều 7. Phối hợp trong kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

a) Trên cơ sở theo dõi thi hành pháp luật, chủ động đề xuất kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm, kiểm tra theo chuyên đề từng năm, đối với từng địa bàn cụ thể trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.

b) Chủ động đề xuất việc kiểm tra liên ngành, kiểm tra đột xuất, đề xuất thành phần tham gia Đoàn Kiểm tra, các nội dung kiểm tra trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định khi thực tiễn phát sinh các vấn đề khó khăn, vướng mắc, bất cập hoặc có dấu hiệu xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, phạm vi quản lý mang tính chất liên ngành.

2. Các sở, ngành, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; cử cán bộ, công chức có chuyên môn, nghiệp vụ tham gia Đoàn Kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính khi được yêu cầu; chấp hành yêu cầu của Đoàn Kiểm tra đối với những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

Điều 8. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của cá nhân, tổ chức trên địa bàn.

2. Thành phần Đoàn Thanh tra.

a) Đoàn Thanh tra cấp tỉnh: Căn cứ vào tính chất, nội dung vụ việc, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cơ quan chủ trì, thành phần Đoàn Thanh tra. Sở Tư

pháp và các cơ quan liên quan có nhiệm vụ phối hợp và làm thành viên Đoàn Thanh tra.

b) Đoàn Thanh tra cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nội dung phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí để quyết định thành phần Đoàn Thanh tra cho phù hợp. Đối với trường hợp thanh tra theo kiến nghị của Sở Tư pháp thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Tư pháp thanh tra tại địa bàn huyện, thành phố theo quy định.

3. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cử cán bộ, công chức có thẩm quyền và trình độ chuyên môn nghiệp vụ tham gia Đoàn Thanh tra khi có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

1. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 22 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu Quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; cơ quan thi hành Quyết định xử phạt, thi hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính và cơ quan thi hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do mình thực hiện đến hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đúng mục đích, phục vụ công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật.

Điều 10. Phối hợp thống kê về xử lý vi phạm hành chính.

Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính để phục vụ công tác hoàn thiện chính sách pháp luật, công tác báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp trong phạm vi quản lý của mình và khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 11. Phối hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

1. Báo cáo định kỳ.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với các Phòng chuyên môn và UBND cấp xã lập báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

c) Các sở, ngành và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

d) Ngoài nội dung quy định tại điểm b khoản này: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tình hình tiếp nhận và quản lý đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tình hình tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội các đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên, người ốm yếu không còn khả năng lao động sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Công an tỉnh báo cáo tình hình lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

2. Báo cáo đột xuất, chuyên đề.

Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo yêu cầu của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành Trung ương và triển khai của Sở Tư pháp khi có yêu cầu.

3. Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối tiếp nhận báo cáo của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Số liệu báo cáo và thời hạn báo cáo.

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm:

Số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau.

Thời hạn báo cáo: Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 4; Báo cáo Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4.

b) Báo cáo hàng năm:

Số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

Thời hạn báo cáo: Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 10; Báo cáo gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 10;

c) Báo cáo đột xuất, chuyên đề: Số liệu, thời hạn theo yêu cầu của cơ quan chủ trì báo cáo.

5. Nội dung báo cáo.

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của

Bộ Tư pháp và đề nghị của Sở Tư pháp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sở Tư pháp.

1. Chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.
2. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi theo dõi, đôn đốc, đánh giá về việc thực hiện Quy chế này; đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp theo quy định.

Điều 13. Sở Nội vụ.

Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương"; Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 14. Sở Thông tin và Truyền thông.

Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan trong việc quản lý, sử dụng, khai thác thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đảm bảo chính xác, an toàn, thông suốt.

Điều 15. Sở Tài chính.

Hàng năm bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí ngân sách đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi thẩm quyền của huyện, thành phố.

Điều 16. Các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và Quy chế này.

Điều 17. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Chỉ đạo thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế này.

2. Bố trí đủ nhân sự để Phòng Tư pháp phân công cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí đủ công chức Tư pháp - Hộ tịch để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

4. Bố trí ngân sách cho hoạt động quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền của huyện, thành phố.

5. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Bình và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Bình và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong quá trình thực hiện chức năng giám sát việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, tổ chức, cá nhân, kịp thời kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và Sở Tư pháp để xử lý theo quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành.

1. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Diên